

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN HẢI CHÂU

TP. ĐÀ NẴNG

Bản án số: /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2017

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Huỳnh Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Ngọc A** - Sinh năm 1987

Trú tại: 208 Đường P, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Huỳnh L** - Sinh năm 1990

Trú tại: K82/H10/47 Đường V, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 05.6.2017 và bản tự khai ngày 23.6.2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Ngọc A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Huỳnh L tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Dương, quận Hải Châu, tp. Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, ông và bà L chung sống tại 208 Đường P, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng - là nhà của ba mẹ ông A.

Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà L đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6 năm 2015. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống khác nhau và thường xuyên gây gổ với nhau. Ông và bà L đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà L, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về con chung: Ông xác định ông và bà L có 01 con chung tên là Lê Ngọc Anh K - sinh ngày 25.5.2013. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định ông và bà L không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

* Tại bản tự khai ngày 23.6.2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Trần Thị Huỳnh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Ngọc A tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn bà và ông A chung sống tại nhà của cha mẹ ông A tại địa chỉ 208 Đường P, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Bà xác định trong quá trình chung sống giữa bà và ông A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A thường xuyên đA đập bà và gia đình chồng luôn chửi bới, xúc phạm, coi thường bà. Từ tháng 5 năm 2015 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân và bà đã chuyển về sống với mẹ của bà tại địa chỉ K82/H10/47 Đường V, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Nay, ông A yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

- *Về con chung*: Bà xác định bà và ông A có 01 con chung là Lê Ngọc Anh K - Sinh ngày 25/5/2013. Việc ông A yêu cầu nuôi dưỡng con chung, bà không đồng ý vì công việc của ông A là lái xe nên thường xuyên phải xa nhà, không có đủ thời gian để chăm sóc, đưa đón và nuôi dạy con đầy đủ như bà. Bản thân bà xác định cháu K đã sống với bà từ nhỏ nên đã quen với nếp sống cũng như mọi sinh hoạt hằng ngày. Do đó, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà xác định bà và ông A không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án: Thẩm phán, thư ký cũng như Hội đồng xét xử đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự khi tham gia giải quyết vụ án và đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của ông A và bà L theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, đề nghị HĐXX xem xét điều kiện hoàn cảnh thực tế giao cháu Lê Ngọc Anh K cho bà Trần Thị Huỳnh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) nhằm ổn định cuộc sống của cháu K. Ông A không cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc A và bà Trần Thị Huỳnh L tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian dài chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên không còn tình cảm với bà L. Đối với bà L thì cho rằng mâu thuẫn là do ông A thường xuyên đả đập bà và gia đình chồng luôn chửi bới, xúc phạm, coi thường bà, mâu thuẫn không khắc phục được nên bà đồng ý ly hôn với ông A.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông A đối với bà L, Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa ông A và bà L có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông A là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống, thường xuyên gây gổ với nhau. Còn theo bà L là do ông A thường xuyên đả đập bà và gia đình chồng luôn chửi bới, xúc phạm, coi thường bà.

Mâu thuẫn giữa ông A và bà L đã kéo dài từ nhiều năm. Cả ông A và bà L đều xác nhận từ năm 2015 đến nay, ông bà đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Theo biên bản xác minh ngày 13.7.2017 tại Tổ dân phố tổ 42, phường Nam Dương, quận Hải Châu thể hiện bà L đã đưa con về nhà ba mẹ ruột sinh sống cho đến nay tại địa chỉ K82/H10/47 Đường V, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nhưng ông A không thường xuyên đến thăm và chăm sóc con chung.

Xét thấy, giữa ông A và bà L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không khắc phục được, vợ chồng đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông A và bà L đã thống nhất thuận tình ly hôn. Việc thuận tình này hoàn toàn tự

nguyện nên Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51 và 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận trên của ông bà, là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu.

- *Về con chung*: Ông A và bà L có một con chung tên là Lê Ngọc Anh K - Sinh ngày 25/5/2013. Cả ông A và bà L đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét, cháu K còn nhỏ tuổi, từ trước đến nay đều do bà L trực tiếp chăm sóc. Bà L hiện nay đang sống với cha mẹ, có việc làm, có thu nhập nên có đủ điều kiện nuôi dạy con. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, ông A và bà L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông A và bà L không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

* *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm* là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Trần Thị Huỳnh L phải chịu và 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) ông Lê Ngọc A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 9448 ngày 06.6.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Hoàn trả lại ông A 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Ông A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;, khoản 4 Điều 147, các Điều 235 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản

5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Lê Ngọc A đối với bà Trần Thị Huỳnh L.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Ngọc A và bà Trần Thị Huỳnh L.

* *Về con chung*: Giao con chung Lê Ngọc Anh K - Sinh ngày 25/5/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Trình không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích con chung, các bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông A và L xác định không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên không đề cập giải quyết.

2. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm* là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Trần Thị Huỳnh L phải chịu và 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) ông Lê Ngọc A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 9448 ngày 06.6.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Hoàn trả lại ông A 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Ông A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường Nam Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Ngọc Kinh Luân